

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 435/2023/DS-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh;
- Bà Trần Thị Hiền.

Thư ký phiên tòa: bà Lương Châu Nguyệt Thiện - là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Tĩnh-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ trụ sở: C.X.P.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: ông C.X.P, sinh năm: 1976.

Địa chỉ làm việc: Phường X, quận Y, thành phố Z.

Theo Quyết định về việc ủy quyền cho ông C.X.P thực hiện một số công việc tại các cơ quan pháp luật số 10-22/QĐ-DAB-BXMT ngày 18/10/2022.

Ông X có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: ông L.V.L, sinh năm: 1965

Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố C.

Ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Ngân hàng TMCP Đ và bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ có ông C.X.P làm đại diện theo ủy quyền trình bày: ông L.V.L khi còn công tác tại Trạm y tế Phường X, quận Y, thành phố Z có ký hợp đồng tín dụng cho vay trả góp với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Quận Y – Phòng giao dịch B (sau đây viết tắt là Ngân hàng), theo chương trình cho vay với đối tác liên kết là Trạm Y Tế phường B, theo hợp đồng tín dụng số: 009547590177737701T18xxx, số tiền vay là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), lãi suất: 8%/năm (phương pháp tính lãi: lãi theo dư nợ ban đầu), thời hạn vay: 48 tháng (từ ngày 11/12/2018 đến ngày 10/12/2022), mục đích vay: tiêu dùng và không có tài sản đảm bảo, số tiền góp hàng tháng là 1.650.000 đồng.

Trong quá trình vay, kể từ khi giải ngân là ngày 10/12/2018 đến ngày 04/03/2021 ông L chỉ trả được tổng số tiền là 39.600.000 đồng (ba mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng), trong đó:

Tiền gốc là: 25.297.960 đồng.

Lãi trong hạn là: 14.302.040 đồng

Từ ngày 05/03/2021 đến nay, ông L không thanh toán cho ngân hàng, mặc dù đã được ngân hàng nhắc nhở nhiều lần.

Tính đến ngày 31/8/2023 thì ông L.V.L còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 46.940.186 đồng (bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ngàn một trăm tám mươi sáu đồng), trong đó:

Số tiền gốc là: 34.702.040 đồng (ba mươi bốn triệu bảy trăm lẻ hai ngàn không trăm bốn mươi đồng).

Số tiền lãi trong hạn là: 4.897.960 đồng (bốn triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

Số tiền lãi quá hạn là: 7.340.186 đồng (bảy triệu ba trăm bốn mươi ngàn một trăm tám mươi sáu đồng).

Nay, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông L.V.L trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 46.940.186 đồng (bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ngàn một trăm tám mươi sáu đồng), trong đó: số tiền gốc là: 34.702.040 đồng, số tiền lãi trong hạn là: 4.897.960 đồng, số tiền lãi quá hạn là: 7.340.186 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/9/2023 cho đến khi ông L trả hết nợ theo lãi suất quá hạn

được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 009547590177737701T18xxx ngày 10/12/2018.

Vụ án không không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ về việc buộc ông L.V.L phải thanh toán số tiền tính đến ngày 31/8/2023 là 46.940.186 đồng trong đó nợ gốc 37.702.040 đồng, nợ lãi trong hạn 4.897.960 đồng, nợ lãi quá hạn 7.340.186 đồng, thấy:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 009547590177737701T18xxx ngày 10/12/2018 thì Ngân hàng TMCP Đ cho ông L.V.L vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay từ 11/12/2018 đến 10/12/2022, mục đích vay vốn: tiêu dùng, lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn 08%/năm, tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 15,67%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức thanh toán: vào ngày 10 hàng tháng bên vay có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền một kỳ là 1.650.000 đồng, ngày thanh toán đầu tiên: 10/01/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 25.297.960 đồng, lãi trong hạn 14.302.040 đồng, tổng cộng số tiền đã thanh toán là 39.600.000 đồng. Kể từ ngày 04/3/2021, ông L.V.L không thanh toán khoản nợ còn thiếu cho ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định về phương thức thanh toán quy định tại mục 9 Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp nêu trên và theo Bảng dự tính lãi.

Do đó, việc Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu buộc ông L.V.L thanh toán số tiền số tính đến ngày 31/8/2023 là 46.940.186 đồng trong đó nợ gốc 37.702.040 đồng, nợ lãi trong hạn 4.897.960 đồng, nợ lãi quá hạn 7.340.186 đồng, đồng thời buộc ông L.V.L phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 01/9/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông L.V.L là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông L.V.L có nơi cư trú tại số 9 đường số 3, khu phố 14, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Ông C.X.P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, ông L.V.L là bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2.2] Mặc dù, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông L.V.L đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông L.V.L vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là ông L.V.L đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền chứng minh của mình, nên ông L.V.L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ buộc ông L.V.L phải thanh toán tổng số tiền gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn là 46.940.186 đồng (bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ngàn một trăm tám mươi sáu đồng) theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 009547590177737701T18xxx ngày 10/12/2018, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức của Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 009547590177737701T18xxx ngày 10/12/2018 được lập thành văn bản, phù

hợp với quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Về mặt nội dung của hợp đồng tín dụng, chủ thể giao kết hợp đồng Ngân hàng TMCP Đ là một tổ chức tín dụng, được phép cấp tín dụng; ông L.V.L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Ngân hàng TMCP Đ và ông L.V.L tự nguyện giao kết hợp đồng. Do đó, hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

[3.2] Về số nợ gốc: mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông L.V.L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, biết rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng phía bị đơn đã không đến Tòa để cung cấp lời khai và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến cũng như các chứng cứ phản bác lại yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 009547590177737701T18xxx ngày 10/12/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông L.V.L; giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ; phiếu chuyển khoản; danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ và bảng chi tiết tính lãi của ông L có cơ sở xác định ông L có giao kết hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Đ với tổng số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Ông L đã nhận được giải ngân đủ số tiền theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 39.600.000 đồng, trong đó: tiền gốc là: 25.297.960 đồng, lãi trong hạn là: 14.302.040 đồng. Do ông L.V.L không trả được nợ gốc nên Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện ông L trả tiền gốc vay còn nợ là có cơ sở để xem xét. Như vậy số tiền nợ gốc ông L còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ là 34.702.040 đồng. Việc ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc là 34.702.040 đồng (ba mươi bốn triệu bảy trăm lẻ hai ngàn không trăm bốn mươi đồng).

[3.3] Về số tiền lãi: trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 009547590177737701T18xxx ngày 10/12/2018, ông L là bên vi phạm hợp đồng, không trả lãi đúng hạn quy định theo hợp đồng. Theo lời khai của đại diện nguyên đơn thì trong quá trình thực hiện hợp đồng ông L chỉ mới thanh toán được 14.302.040 đồng tiền lãi trong hạn và từ ngày 05/3/2021 ông L không thanh toán bất kỳ khoản lãi nào, tính đến ngày 31/8/2023 số tiền lãi trong hạn là 4.897.960 đồng, số tiền lãi quá hạn là: 7.340.186 đồng. Tổng cộng số tiền lãi là 12.238.146 đồng. Xét số tiền lãi do Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu được tính dựa trên mức lãi suất phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 009547590177737701T18xxx ngày 10/12/2018 và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông L.V.L phải trả

số tiền lãi tính từ ngày 05/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.238.146 đồng (mười hai triệu hai trăm ba mươi tám ngàn một trăm bốn mươi sáu đồng).

Như vậy, buộc bị đơn ông L.V.L phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là: 46.940.186 đồng (bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ngàn một trăm tám mươi sáu đồng), trong đó: số tiền gốc là: 34.702.040 đồng, số tiền lãi trong hạn là: 4.897.960 đồng, số tiền lãi quá hạn là: 7.340.186 đồng theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 009547590177737701T18xxx ngày 10/12/2018.

[3.4] Đối với yêu cầu buộc bị đơn ông L.V.L phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 01/9/2023 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 009547590177737701T18xxx ngày 10/12/2018 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên bị đơn ông L.V.L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.347.009 đồng (hai triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn chín đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí là 1.006.916 đồng (một triệu không trăm lẻ sáu ngàn chín trăm mười sáu đồng) theo biên lai thu tiền số 0035249 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 36, 39, 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 117, 119, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc ông L.V.L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là: 46.940.186 đồng (bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ngàn một trăm tám mươi sáu đồng), trong đó: số tiền gốc là: 34.702.040 đồng, số tiền lãi trong hạn là: 4.897.960 đồng, số tiền lãi quá hạn là: 7.340.186 đồng theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 009547590177737701T18xxx ngày 10/12/2018.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông L.V.L còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 009547590177737701T18xxx ngày 10/12/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông L.V.L cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông L.V.L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.347.009 đồng (hai triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn chín đồng).

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.006.916 đồng (một triệu không trăm lẻ sáu ngàn chín trăm mười sáu đồng) theo biên lai thu tiền số 0035249 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiếu